

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **05/2025/DS-ST**

Ngày: 15/01/2025.

V/v: “Tranh chấp
hụi”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Cẩm Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Đăng Khoa.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Thái Khang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Nhã – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 307/2024/TLST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2024 về việc: “Tranh chấp hụi”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 245/2024/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2024 và Thông báo mở lại phiên tòa số 59/TB-TA ngày 30 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị B, sinh năm 1959 (Có mặt);

Địa chỉ: B, khu phố F, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Mỹ H, sinh năm 1972 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Số E, khu phố D, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; bản tự khai và các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án; nguyên đơn là bà Phan Thị B trình bày:

Bà B có tham gia các dây hụi do bà Nguyễn Mỹ H làm chủ hụi. Sau khi bị vỡ hụi vào năm 2017, bà H có thỏa thuận và tổng kết số tiền mà bà B đã đóng hụi cho bà H với số tiền là 51.190.000 đồng. Bà H có viết 02 giấy tay đề ngày 19/3/2017 với nội dung bà H có thối (thiếu) vốn hụi của bà B với số tiền là 51.190.000 đồng. Nay bà B yêu cầu bà H trả số tiền nợ hụi là 51.190.000 đồng, không yêu cầu lãi suất.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà B trình bày: Bà yêu cầu bà H trả số tiền nợ hụi là 51.190.000 đồng, không yêu cầu lãi suất.

Bị đơn bà Nguyễn Mỹ H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời khai.

Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình. Riêng bị đơn là bà Nguyễn Mỹ H chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 351, 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 18 và 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị B, buộc bà Nguyễn Mỹ H có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị B số tiền hụi là 51.190.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phan Thị B yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Mỹ H trả số tiền nợ hụi là 51.190.000 đồng. Căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp nợ hụi.

Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét thấy đây là tranh chấp giao dịch dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn bà Nguyễn Mỹ H có nơi cư trú tại phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Mỹ H là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng bà H vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp.

[3] Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do bà B cung cấp là 02 giấy viết tay có tiêu đề “giấy thôi vốn hụi” với nội dung “Tôi tên Ng Mỹ H1; sinh năm 1972; cư ngụ: 52B3 K, phường P, thành phố B...”; Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định bà Nguyễn Mỹ H đã cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung là phù hợp.

[4] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4.1] Bà Phan Thị B yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Mỹ H trả số tiền nợ hụi là 51.190.000 đồng, không yêu cầu lãi suất. Chứng cứ mà bà B cung cấp là 02 giấy viết tay có tiêu đề “giấy thôi vốn hụi” với nội dung “Tôi tên Ng Mỹ H1; sinh năm 1972; cư ngụ: 52B3 K, phường P, thành phố B; CMND: 320753706; tôi có thiếu vốn (thôi vốn) hụi của bà Phan Thị B số tiền 51.190.000, năm mươi một triệu một trăm chín chục ngàn đồng; ngày 19/3/2027; Ng M”.

[4.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ: thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho phía bị đơn là bà Nguyễn Mỹ H, tuy nhiên bà H vẫn vắng mặt không lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án, đồng thời không có giao nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của bà H đối với yêu cầu của nguyên đơn bà B, cũng như không có giao nộp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào để phản đối yêu cầu của nguyên đơn bà B đưa ra. Do đó, căn cứ vào Điều 91 và 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, Hội đồng xét xử xét thấy: có đủ căn cứ xác định bà B đã tham gia dây hụi do bà H làm chủ hụi và bà B đã đóng hụi cho bà H với số tiền là 51.190.000 đồng.

[4.2] Tại khoản 1 Điều 351 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định trách nhiệm dân sự do vi phạm nghĩa vụ: “Bên có nghĩa vụ mà vi phạm nghĩa vụ thì phải chịu trách nhiệm dân sự đối với bên có quyền. Vi phạm nghĩa vụ là việc bên có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ đúng thời hạn, thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng nội dung của nghĩa vụ”. Tại khoản 1 Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định Họ, hụi, biếu, phường: “Họ, hụi, biếu, phường (sau đây gọi chung là họ) là hình thức giao dịch về tài sản theo tập quán trên cơ sở thỏa thuận của một nhóm người tập hợp nhau lại cùng định ra số người, thời gian, số tiền hoặc tài sản khác, thể thức góp, lĩnh họ và quyền, nghĩa vụ của các thành viên”. Xét thấy, bản thân bà H là chủ hụi nhưng không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền hụi của mình làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà B, do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B, buộc bà H phải hoàn trả cho bà B số tiền nợ hụi là 51.190.000 đồng là phù

hợp với quy định tại Điều 351 và 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 18 và 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hộ, biên, phường. Việc bà B không yêu cầu tính lãi suất là sự tự nguyện của bà nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Xét về quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: buộc bà Nguyễn Mỹ H phải chịu do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị B được Tòa án chấp nhận, án phí bà H phải chịu là: $51.190.000 \text{ đồng} \times 5\% = 2.559.500 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 157, 165, 201, 217, 218, 227, 228, 244, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 351, 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 18 và 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hộ, biên, phường; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị B về việc “Tranh chấp hộ” với bị đơn bà Nguyễn Mỹ H. Cụ thể như sau:

Buộc bà Nguyễn Mỹ H có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị B số tiền hộ là 51.190.000 (Năm mươi một triệu một trăm chín mươi ngàn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bà Nguyễn Mỹ H phải chịu án phí là 2.559.500 đồng. Án phí sung vào công quỹ nhà nước.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP Bến Tre;
- Chi cục THADS TP Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Võ Thị Cẩm Trang